

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-ST

Ngày 04 - 11 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đức Lập.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 10 năm 2019 và ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị D, sinh năm 1955; cư trú tại tổ 22, ấp N, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1982; cư trú tại tổ 20, ấp N, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; cư trú tại tổ 20, ấp N, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị Ngọc B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn L (văn bản ủy quyền ngày 30/9/2019).

Bà D, chị B có mặt; anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2019 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị D trình bày:

Giữa bà với chị B có mối quan hệ quen biết. Chị B là thành viên tham gia chơi hụi do bà làm đầu thảo. Chị B tham gia chơi 10 dây hụi, có dây hụi chị B chơi một phần, có dây hụi chị B chơi hai phần hụi, có dây hụi chị B chơi ba phần hụi, cụ thể.

1. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 6/7/2018 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 13 phần, chị B chơi một phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

2. Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 6/9/2018 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 14 phần, chị B chơi hai phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

3. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 6/12/2017 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 17 phần, chị B chơi một phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

4. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 10/10/2018 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 18 phần, chị B chơi hai phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

5. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/6/2018 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 13 phần, chị B chơi hai phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

6. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2017 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 13 phần, chị B chơi hai phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

7. Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15/02/2018 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 16 phần, chị B chơi hai phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

8. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 26/6/2018 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 13 phần, chị B chơi hai phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

9. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 29/6/2017 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 13 phần, chị B chơi hai phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

10. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 29/6/2017 âm lịch, một tháng mở một lần, gồm 13 phần, chị B chơi ba phần, chị B đã hốt hụi, hụi đã mãn.

Những dây hụi chị B chơi chị B đều hốt hụi (lĩnh hụi). Khi hụi viên tham

gia hụi, bà chỉ ghi danh sách hụi viên, chỉ biết hụi viên đó đã hốt hụi, không có danh sách hụi viên hốt hụi được bao nhiêu do bà giao tiền hốt hụi cho người chơi nhưng không cho họ ký nhận tiền. Bà nghe tin chị B tuyên bố vỡ nợ, không có khả năng đóng hụi nên ngày 25/4/2019 âm lịch chị B và bà chốt lại tổng tiền nợ hụi của bà là 84.000.000 đồng, chị B hứa mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền gốc từ ngày 25/5/2019. Bà không yêu cầu xác định lại nợ hụi và thống nhất số tiền nợ hụi theo biên nhận hụi ngày 25/4/2019 âm lịch là 84.000.000 đồng. Từ ngày làm biên nhận hụi đến nay, chị B không trả cho bà do không có khả năng trả nợ nên chị B có vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Chị B hốt hụi để trả tiền vật liệu xây nhà. Khi chị B chơi hụi, anh L (chồng chị B) có biết do có thàng anh L đóng tiền hụi. Bà yêu cầu vợ chồng anh L và chị B trả số tiền nợ hụi 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Chị và bà D là hàng xóm. Chị có chơi hụi do bà D làm đầu thảo. Chị chơi nhiều dây hụi, nhiều phần hụi nhưng hiện giờ chị không nhớ hết. Chị không xác định được hụi đã mất hay chưa. Những dây hụi chị chơi chị đều hốt hụi. Khi hốt hụi, bà D giao tiền cho chị nhưng không cho chị ký nhận tiền. Sau khi tuyên bố vỡ nợ, không có khả năng trả, chị và bà D có tính toán nợ hụi thì chị còn nợ bà D tổng cộng là 84.000.000 đồng, chị có lập biên nhận hụi ngày 25/4/2019 âm lịch. Theo biên nhận hụi này, chị có nghĩa vụ trả dần cho bà D mỗi tháng 1.000.000 đồng. Từ ngày làm biên nhận hụi đến nay, chị không có khả năng trả cho bà D do chưa tìm được việc làm. Chị không yêu cầu xác định lại nợ hụi và thống nhất số tiền nợ hụi theo biên nhận hụi ngày 25/4/2019 âm lịch là 84.000.000 đồng. Chị hốt hụi để sử dụng chi tiêu gia đình, cho con đi học, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Chị không sử dụng tiền hụi vào mục đích bất hợp pháp. Khi chơi hụi, chồng chị (anh L) không biết, sau khi vỡ nợ chồng chị mới biết. Do thiếu nợ nhiều người, không có khả năng trả hết nợ vay nên chị tuyên bố vỡ nợ, hứa đi Malaysia tìm việc làm trả nợ nhưng chưa tìm được việc làm thì phải về Việt Nam do Tòa án triệu tập giải quyết vụ án. Chị đi Malaysia 29 ngày, từ ngày 14/6/2019 đến ngày 13/7/2019. Nay bà D yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền nợ hụi 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, chị đồng ý vợ chồng chị trả số tiền nợ hụi 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng, đồng ý không tính lãi, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng như

thỏa thuận trong biên nhận hội ngày 25/4/2019.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc B là đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh L không biết việc chơi hội giữa chị và bà D. Đến khi vỡ nợ, anh L mới biết. Anh L không biết chị sử dụng tiền vay vào việc gì do mọi chi tiêu trong gia đình do chị quản lý. Bà D yêu cầu vợ chồng trả số tiền nợ hội 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, anh L cũng đồng ý vợ chồng trả số tiền 84.000.000 đồng, đồng ý không tính lãi, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng như thỏa thuận trong biên nhận hội ngày 25/4/2019.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, buộc vợ chồng anh L và chị B trả số tiền 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng cho bà D, ghi nhận không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L và chị B trả số tiền nợ hội 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi; bị đơn cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hợp đồng góp hội và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào “biên nhận số tiền hội của dì ba D” ngày 25/4/2019 âm lịch (bút lục 24a), “biên nhận hội số tiền hội của dì 3 D” (bút lục 38) và lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Chị B có tham gia chơi 10 dây hội do bà D làm đầu thảo, có dây hội chị B chơi một

phần hội, có dây hội chị B chơi hai phần hội, có dây hội chị B chơi ba phần hội, mỗi dây hội chị B đều đã lĩnh hội. Bà D làm đầu thảo nhưng chỉ có danh sách hội viên và hội viên đã lĩnh hội, không có số tiền hội viên lĩnh hội và thời gian hội viên lĩnh hội. Khi chị B không có khả năng đóng hội, ngày 25/4/2019 (âm lịch) bà D và chị B thống nhất số tiền nợ hội là 84.000.000 đồng, chị B làm biên nhận nợ và biên nhận này thể hiện chị B có nghĩa vụ trả dần tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng. Từ ngày làm biên nhận hội đến nay, chị B không thực hiện nghĩa vụ góp hội do không khả năng trả nợ là vi phạm nghĩa vụ. Qua lời trình bày của chị B và anh L thì lĩnh hội để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D, chị B và anh L cùng thống nhất không yêu cầu xác định lại nợ hội và số tiền hội chị B và anh L còn nợ bà D là 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng; chị B và anh L đồng ý trả cho bà D số tiền nợ hội này. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D; chị B và anh L phải có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền nợ hội 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng là phù hợp Điều 351, Điều 471 Bộ luật Dân sự, Nghị định 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3] Về tiền lãi: Bà Đặng Thị D không yêu cầu chị B và anh L trả tiền lãi nên ghi nhận.

[4] Về yêu cầu trả dần của bị đơn: Bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng theo thỏa thuận trong biên nhận hội ngày 25/4/2019 âm lịch. Xét thấy, yêu cầu trả dần của bị đơn không được bà D chấp nhận và không phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 351, Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 30 Nghị định 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về hộ, hui, biêu, phường;

Áp dụng Điều 27 Nghị định 19/2019/CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hui, biêu, phường;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn L trả cho bà Đặng Thị D 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng tiền nợ hui. Ghi nhận bà Đặng Thị D không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.200.000 (bốn triệu hai trăm nghìn) đồng.

Bà Đặng Thị D thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng